

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness

-----

..., ngày 25 tháng 4 năm 2025  
..., day 25. month 4. year 2025

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/CURRICULUM VITAE**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**To:** - The State Securities Commission;  
- Vietnam Stock Exchange;  
- Ho Chi Minh Stock Exchange;  
- Ha Noi Stock Exchange.

1/ Họ và tên /Full name: ONG TEE CHUN (WENG SHIQUN)

2/ Giới tính/Sex: Nam/Male

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 12/04/1979

4/ Nơi sinh/Place of birth: Singapore

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.): K4481120E

Ngày cấp/Date of issue: 16/10/2023

Nơi cấp/Place of issue: Bộ Nội vụ Singapore/Ministry of Home Affairs of Singapore

6/ Quốc tịch/Nationality: Singapore

7/ Dân tộc/Ethnic: Chinese

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence: 26 Seletar Hills Drive S(807041)

9/ Số điện thoại/Telephone number: +65 9069 9018

10/ Địa chỉ email/Email: pandoiinvestment@gmail.com

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organization's name subject to information disclosure rules: Công ty Cổ phần Chứng khoán APG/APG Securities Joint Stock Company.

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure: Thành viên Hội đồng quản trị/Member of Board of Directors

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies:

Reed Capital Partners (Business Development Director) tại Reed Capital Partners

14/ Số CP nắm giữ: 11.740.000 cổ phiếu, chiếm 5,25% vốn điều lệ, trong đó/ Number of owning shares 11.740.000 accounting for 5,25% of charter capital, of which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/*Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation): Pando 1 Investment PTE.LTD 11.740.000 cổ phiếu, chiếm 5,25% vốn điều lệ/ Number of owning shares 11.740.000 accounting for 5,25% of charter capital.*

+ Cá nhân sở hữu/ *Owning by Individual: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ/ Number of owning shares 0 accounting for 0% of charter capital*

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any): không có*

16/ Danh sách người có liên quan của người khai\* /*List of affiliated persons of declarant:*

---

\* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Affiliated people are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26<sup>th</sup> Nov 2019.

| Stt<br>No. | Mã CK<br>Securities<br>symbol | Họ tên<br>Name                     | Tài<br>khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>accounts<br>(if<br>available) | Chức vụ<br>tại công<br>ty (nếu<br>có)<br>Position<br>at the<br>company<br>(if<br>available) | Mối quan hệ<br>đối với công<br>ty/ người nội<br>bộ<br>Relationship<br>with the<br>company/<br>internal person | Loại hình<br>Giấy NSH (*)<br>(CMND/<br>Passport/<br>Giấy ĐKKD)<br>Type of<br>documents/<br>ID/Passport/<br>Business<br>Registration<br>Certificate) | Số<br>Giấy<br>NSH<br>(*)/<br>NSH<br>No. | Ngày<br>cấp Date<br>of issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue                                         | Địa<br>chỉ<br>trụ<br>sở<br>chính<br>h/<br>Địa<br>chỉ<br>liên<br>hệ<br>Address<br>Head<br>office<br>Address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number<br>of shares<br>owned at<br>the end<br>of the<br>period | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percentage<br>of shares<br>owned<br>at the<br>end of<br>the<br>period | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time the<br>person<br>became an<br>affiliated<br>person/<br>internal<br>person | Thời<br>điểm<br>không<br>còn là<br>người có<br>liên<br>quan<br>của<br>công ty/<br>người<br>nội bộ<br>Time the<br>person<br>ceased<br>to be an<br>affiliate<br>person/<br>internal<br>person | Lý do (khi<br>phát sinh<br>thay đổi<br>liên quan<br>đến mục<br>13 và 14)<br>Reasons<br>(when<br>arising<br>changes<br>related to<br>sections of<br>13 and 14) | Ghi chú<br>(về việc<br>không<br>có số<br>Giấy<br>NSH và<br>các ghi<br>chú<br>khác)<br>Notes<br>(i.e. not<br>in<br>possession<br>of a<br>NSH<br>No. and<br>other<br>notes) |
|------------|-------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          |                               |                                    |                                                                                                                   |                                                                                             |                                                                                                               |                                                                                                                                                     | 8                                       | 9                            | 10                                                                   | 11                                                                                                         | 12                                                                                                    | 13                                                                                                                 | 14                                                                                                                                                        | 15                                                                                                                                                                                          | 16                                                                                                                                                            | 17                                                                                                                                                                        |
| 1          |                               | ONG TEE<br>CHUN<br>(WENG<br>SHIQUN | NA                                                                                                                | Member<br>of the<br>Board of<br>Director<br>s                                               |                                                                                                               | Passport                                                                                                                                            | K448<br>1120<br>E                       | 16/10/2<br>023               | Singapore<br>Ministry<br>of Home<br>Affairs of<br>Singapore          | 26<br>Selat<br>tar<br>Hills<br>Drive<br>Singapore<br>(807<br>041)                                          | -                                                                                                     | -                                                                                                                  | 25/04/202<br>5                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                             | Newly<br>appointe<br>d                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                           |
| 1.01       |                               | Pando l<br>Investment<br>Pte Ltd   | 800066                                                                                                            | Director                                                                                    | Affiliated<br>Organization                                                                                    |                                                                                                                                                     | 2025<br>1040<br>0D                      | 10/03/2<br>025               | Accounti<br>ng and<br>Corporate<br>Regulator<br>y<br>Authority<br>of | 600<br>North<br>Bridge<br>Road<br>#06-                                                                     | 11.740.<br>000                                                                                        | 5,25%                                                                                                              | 25/04/202<br>5                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                           |

|      |                              |         |          |                   |         |                                                             |                                                                                        |  |  |  |  |  |
|------|------------------------------|---------|----------|-------------------|---------|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|
| 1.02 | FOO CHWEE<br>HWA             | MOTHER  | ID       | S039<br>1175<br>F |         | Singapore                                                   | 02,<br>Park<br>view<br>Squ<br>are<br>Sing<br>apor<br>e<br>(188<br>778)                 |  |  |  |  |  |
| 1.03 | ONG LOH<br>TAH<br>(DECEASED) | FATHER  |          |                   |         | Singapore<br>Ministry<br>of Home<br>Affairs of<br>Singapore | 636<br>Yish<br>un<br>Stre<br>et 61<br>#03-<br>102<br>Sing<br>apor<br>e<br>(760<br>636) |  |  |  |  |  |
| 1.04 | ONG TEE<br>YUH               | SISTER  |          |                   |         |                                                             |                                                                                        |  |  |  |  |  |
| 1.05 | ONG TEE<br>HUAN              | BROTHER |          |                   |         |                                                             |                                                                                        |  |  |  |  |  |
| 1.06 | ONG TEE<br>LEONG             | BROTHER |          |                   |         |                                                             |                                                                                        |  |  |  |  |  |
| 1.07 | ONG TEE<br>GUAN              | BROTHER |          |                   |         |                                                             |                                                                                        |  |  |  |  |  |
| 1.08 | ONG XIU                      | WIFE    | PASSPORT | K293              | 29/06/2 | Singapore                                                   | 26                                                                                     |  |  |  |  |  |



|      |                                |  |          |          |                   |                |                                                             |                                                                       |                                                                             |  |  |  |  |  |
|------|--------------------------------|--|----------|----------|-------------------|----------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|
| 1.09 | QIAN<br>SERENE                 |  |          |          |                   | 8377<br>P      | 022                                                         | Ministry<br>of Home<br>Affairs of<br>Singapore                        | Sel<br>tar<br>Hills<br>Driv<br>e<br>Sing<br>apor<br>e<br>(807<br>041)       |  |  |  |  |  |
|      |                                |  |          |          |                   |                |                                                             |                                                                       | 26<br>Sel<br>tar<br>Hills<br>Driv<br>e<br>Sing<br>apor<br>e<br>(807<br>041) |  |  |  |  |  |
|      | TAHLIA<br>ONG KAI EN           |  | DAUGHTER | PASSPORT | K311<br>0173<br>N | 23/07/2<br>022 | Singapore<br>Ministry<br>of Home<br>Affairs of<br>Singapore | Sel<br>tar<br>Hills<br>Driv<br>e<br>Sing<br>apor<br>e<br>(807<br>041) |                                                                             |  |  |  |  |  |
|      |                                |  |          |          |                   |                |                                                             |                                                                       | 26<br>Sel<br>tar<br>Hills<br>Driv<br>e<br>Sing<br>apor<br>e<br>(807<br>041) |  |  |  |  |  |
| 1.10 | ASHER ONG<br>KAI YI<br>(YOUNG) |  | SON      | ID       | T150<br>5459<br>F |                | Singapore<br>Ministry<br>of Home<br>Affairs of<br>Singapore | Sel<br>tar<br>Hills<br>Driv<br>e<br>Sing<br>apor<br>e<br>(807<br>041) |                                                                             |  |  |  |  |  |

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any): Không có*

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any): Không có*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI /  
DECLARANT**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*(Signature, full name)*

  
Ông Tee Chun